

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

KỶ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI TP CẤP THCS

NĂM HỌC 2025 - 2026

BẢNG ĐIỂM THI VÀ KẾT QUẢ XẾP GIẢI

MÔN: LS&ĐL 1

(Kèm theo Quyết định số 1602/QĐ-SGDĐT ngày 24/01/2026)

ouu

STT	HỌ VÀ TÊN		P.THI/SBD	HỌC SINH TRƯỜNG		KẾT QUẢ THI	
						ĐIỂM	X. GIẢI
1	NGUYỄN LAN	HƯƠNG	126 / 002824	THCS Phan Bội Châu	X. TỬ KỶ	8,93	
2	ĐỖ THỊ HIỂN	MAI	127 / 002842	THCS Chu Văn An	X. THANH HÀ	8,90	
3	BÙI THỊ KIM	NGÂN	127 / 002848	THCS Phú Thái	X. PHÚ THÁI	8,78	
4	NGUYỄN DIỆU	THẢO	128 / 002873	THCS Vũ Hữu	X. ĐƯỜNG AN	8,78	
5	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG	THẢO	128 / 002874	THCS Phan Bội Châu	X. TỬ KỶ	8,78	
6	TRẦN ANH	DƯƠNG	125 / 002806	THCS Phan Bội Châu	X. TỬ KỶ	8,75	
7	ĐỖ QUỲNH	ANH	124 / 002772	THCS Lê Quý Đôn	P. LÊ THANH NGHỊ	8,73	
8	UÔNG ĐĂNG KHÁNH	VY	049 / 001098	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	8,60	
9	ĐINH THẾ	AN	124 / 002764	THCS Võ Thị Sáu	P. LÊ THANH NGHỊ	8,60	
10	PHẠM XUÂN	PHÚC	128 / 002864	THCS Phan Bội Châu	X. TỬ KỶ	8,58	
11	BÙI XUÂN	ÂU	124 / 002787	THCS Kiến Quốc	X. KHÚC THƯA DỤ	8,53	
12	NGUYỄN THỊ NGỌC	BÍCH	125 / 002788	THCS Chu Văn An	X. THANH HÀ	8,53	
13	NGUYỄN LÊ THÙY	DƯƠNG	125 / 002802	THCS Phạm Sư Mạnh	P. KINH MÔN	8,50	
14	NGUYỄN PHƯƠNG	NHI	127 / 002856	THCS Vũ Hữu	X. ĐƯỜNG AN	8,50	
15	TRẦN NGỌC ANH	THỨ	128 / 002881	THCS Nguyễn Trãi	X. NAM SÁCH	8,50	
16	MAI DIỆP	ANH	124 / 002776	THCS Nguyễn Lương Bằng	X. THANH MIỆN	8,48	
17	CAO MINH	HÀ	125 / 002810	THCS Chu Văn An	X. THANH HÀ	8,48	
18	ĐỖ ANH	DŨNG	125 / 002799	THCS Vũ Hữu	X. ĐƯỜNG AN	8,45	
19	BÙI NGỌC	HÀ	045 / 000996	THCS Lý Học - Liên Am - Cao Minh	X. NGUYỄN BÌNH KHIÊM	8,43	
20	LÊ THUY	LINH	046 / 001020	THCS Hoa Động	P. THỦY NGUYÊN	8,43	
21	BÙI HẢI	LINH	126 / 002832	THCS Chu Văn An	X. THANH HÀ	8,43	
22	NGUYỄN ĐỨC	HIẾU	126 / 002819	THCS Chu Văn An	P. TRẦN HUNG ĐẠO	8,40	
23	ĐOÀN THU	AN	124 / 002765	THCS Vũ Hữu	X. ĐƯỜNG AN	8,38	
24	HOÀNG TRẦN Ý	LINH	046 / 001019	THCS Hoa Động	P. THỦY NGUYÊN	8,35	
25	VŨ THỊ MAI	TRANG	129 / 002891	THCS Vũ Hữu	X. ĐƯỜNG AN	8,33	
26	PHẠM BẢO	TRANG	129 / 002888	THCS Thanh Tùng	X. NGUYỄN LƯƠNG BẰNG	8,30	
27	NGUYỄN QUANG VIỆT	ANH	043 / 000955	THCS Ngọc Hải	P. ĐỖ SƠN	8,28	
28	PHẠM ĐỨC	HẢI	045 / 000998	THCS Nguyễn Bình Khiêm	X. VINH BẢO	8,27	
29	BÙI NHƯ GIA	NGHĨA	127 / 002851	THCS Chu Văn An	X. THANH HÀ	8,25	
30	NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	125 / 002804	THCS An Thượng	P. THÀNH ĐÔNG	8,23	
31	ĐÀO CÔNG	PHONG	128 / 002862	THCS Thành Nhân	X. NINH GIANG	8,23	
32	LƯƠNG DIỆP	CHI	044 / 000973	THCS Nguyễn Bình Khiêm	X. VINH BẢO	8,20	
33	TRẦN ĐỨC MINH	QUẢN	128 / 002869	THCS Bình Minh	P. LÊ THANH NGHỊ	8,20	
34	PHAN HÙNG	THỊNH	128 / 002878	THCS Nguyễn Lương Bằng	X. THANH MIỆN	8,20	
35	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	127 / 002850	THCS Nguyễn Trãi	X. NAM SÁCH	8,18	
36	MẠC THỊ	THẢO	128 / 002872	THCS Phạm Sư Mạnh	P. KINH MÔN	8,18	
37	TRẦN BẢO	TRANG	129 / 002889	THCS Nguyễn Huệ	P. TỬ MINH	8,18	
38	NGUYỄN MAI	CHI	125 / 002793	THCS Kim Đính	X. AN THÀNH	8,15	
39	ĐOÀN MAI	ANH	124 / 002771	THCS Chu Văn An	P. TRẦN HUNG ĐẠO	8,13	
40	LƯU KHẢI	HOÀN	126 / 002821	THCS Nghĩa An	X. VINH LẠI	8,13	
41	TRẦN THỊ GIA	LINH	127 / 002840	THCS Chu Văn An	X. THANH HÀ	8,13	
42	NGUYỄN THỊ TÂM	NHƯ	128 / 002861	THCS Lê Thanh Nghị	X. GIA LỘC	8,13	
43	NGUYỄN HỮU MINH	THẮNG	128 / 002876	THCS Nguyễn Huệ	P. TỬ MINH	8,13	
44	BÙI THỊ TRÂM	ANH	124 / 002767	THCS Cẩm Giang	X. CẨM GIANG	8,10	
45	LÊ THỊ NHƯ	QUỲNH	047 / 001058	THCS Tam Cường	X. VINH AM	8,08	
46	NGUYỄN THỊ THU	THỦY	048 / 001071	THCS Mỹ Đồng	P. LÊ ÍCH MỘC	8,08	
47	NGUYỄN HOÀNG CHÂU	DƯƠNG	125 / 002801	THCS An Lâm	X. AN PHÚ	8,08	

STT	HỌ VÀ TÊN		P.THU/SBD	HỌC SINH TRƯỜNG		KẾT QUẢ THI	
						ĐIỂM	X. GIẢI
48	LUU HOÀNG	ANH	124 / 002774	THCS Nguyễn Huệ	P. TỨ MINH	8,05	
49	NGUYỄN MAI	CHI	125 / 002792	THCS Chu Văn An	P. TRẦN HUNG ĐẠO	8,02	
50	NGUYỄN THUY	DƯƠNG	044 / 000987	THCS Thuận Thiên	X. KIẾN THUY	8,00	
51	VŨ NHƯ	QUỲNH	047 / 001060	THCS Nguyễn Bình Khiêm	X. VINH BẢO	7,98	
52	VŨ ANH	THƯ	128 / 002882	THCS Cẩm Giang	X. CẨM GIANG	7,98	
53	ĐOÀN BẢO	NGỌC	047 / 001043	THCS Tiên Minh	X. TIÊN MINH	7,95	
54	PHẠM VĂN ĐỨC	ANH	124 / 002783	THCS Quang Minh	X. TRƯỜNG TÂN	7,95	
55	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	DUNG	125 / 002798	THCS Phan Bội Châu	X. TỨ KỶ	7,95	
56	VŨ HUY	HOÀNG	045 / 001003	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	7,93	
57	PHẠM KHÁNH	LINH	127 / 002837	THCS Nguyễn Trãi	X. NAM SÁCH	7,93	
58	NGÔ KHÁNH	LINH	126 / 002833	THCS Chu Văn An	X. THANH HÀ	7,90	
59	NGUYỄN MAI	LINH	126 / 002835	THCS Nguyễn Huệ	P. TỨ MINH	7,90	
60	PHẠM VĂN	QUANG	128 / 002868	THCS Liên Hồng	P. THẠCH KHÔI	7,90	
61	VŨ THÙY	AN	043 / 000946	THCS Quang Trung	P. NGÔ QUYẾN	7,88	
62	ĐẶNG ĐỖ NGỌC	ÁNH	043 / 000964	THCS Quang Trung	P. NGÔ QUYẾN	7,88	
63	NGUYỄN THỊ HÀ	ANH	124 / 002777	THCS Chu Văn An	P. TRẦN HUNG ĐẠO	7,88	
64	NGÔ GIA	MINH	046 / 001030	THCS Quang Trung	P. NGÔ QUYẾN	7,87	
65	HOÀNG NGỌC	MAI	127 / 002843	THCS Thái Tân	X. THÁI TÂN	7,87	
66	TRỊNH MAI	ANH	043 / 000961	THCS Thị Trấn Núi Đồi	X. KIẾN THUY	7,85	
67	LÊ THÙY	MINH	046 / 001029	THCS Lê Ích Mộc	P. THỦY NGUYỄN	7,85	
68	PHẠM TRẦN YẾN	NHI	127 / 002857	THCS Nguyễn Lương Bằng	X. THANH MIỆN	7,85	
69	ĐÀO PHẠM MAI	CHI	125 / 002790	THCS Chu Văn An	X. THANH HÀ	7,83	
70	NGUYỄN BÙI MAI	GIANG	125 / 002809	THCS Bình Minh	P. LÊ THANH NGHỊ	7,83	
71	TRẦN BẢO	HÂN	126 / 002818	THCS Phạm Sư Mạnh	P. KINH MÔN	7,80	
72	LÊ ĐỨC	TÂN	048 / 001063	THCS Tiên Lãng	X. TIÊN LÃNG	7,78	
73	ĐÌNH THỊ NGỌC	ANH	124 / 002770	THCS Đồng Tâm	X. NINH GIANG	7,78	
74	ĐÌNH PHẠM NGỌC	HÂN	126 / 002817	THCS Tân Hương	X. VINH LẠI	7,78	
75	ĐÀO CÔNG	PHÚC	128 / 002863	THCS Thành Nhân	X. NINH GIANG	7,75	
76	TRẦN VĂN	BẢO	044 / 000967	THCS Lê Lợi	P. HẢI AN	7,73	
77	VŨ XUÂN	HÙNG	045 / 001004	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	7,73	
78	NGUYỄN HÀ	LINH	046 / 001021	THCS Lê Lợi	P. HẢI AN	7,73	
79	TRƯƠNG THỊ HƯƠNG	TRÀ	128 / 002883	THCS Hiệp Lực	X. NINH GIANG	7,73	
80	NGUYỄN MINH	TÚ	129 / 002895	THCS Bình Minh	P. LÊ THANH NGHỊ	7,73	
81	TRẦN THÙY	DƯƠNG	044 / 000988	THCS Nguyễn Bình Khiêm	X. VINH BẢO	7,68	
82	NGUYỄN ĐỖ NHƯ	NGỌC	127 / 002852	THCS Thanh Hồng	X. HẢ ĐÔNG	7,67	
83	NGUYỄN VĂN	TÙNG	129 / 002897	THCS Lê Thanh Nghị	X. GIA LỘC	7,67	
84	NGUYỄN THỊ BẠCH	DIỆP	125 / 002797	THCS Tân Kỳ	X. TÂN KỶ	7,63	
85	VŨ NGUYỄN NGỌC	LINH	127 / 002841	THCS Tân Kỳ	X. TÂN KỶ	7,63	
86	LẠI THU	TRANG	129 / 002886	THCS Kim Tân	X. AN THÀNH	7,63	
87	NGUYỄN THỊ MINH	ANH	043 / 000957	TH-THCS Du Lễ	X. NGHI DƯƠNG	7,62	
88	NGUYỄN THÀNH	DƯƠNG	125 / 002803	THCS Tân Phong	X. TÂN AN	7,62	
89	NGUYỄN THỊ KIỀU	CHÍNH	044 / 000975	THCS Giang Biên	X. VINH THUẬN	7,60	
90	TRẦN MINH	KHÔI	046 / 001014	THCS Nguyễn Bá Ngọc	P. AN BIÊN	7,60	
91	ĐỖ THỊ	THẢO	048 / 001064	THCS Liên Khê	P. LƯU KIỂM	7,60	
92	DƯ ĐỨC	TÙNG	129 / 002896	THCS Bình Minh	P. LÊ THANH NGHỊ	7,60	
93	VŨ THỊ TRÀ	MINH	047 / 001037	THCS Bắc Sơn	P. AN DƯƠNG	7,58	
94	CAO LÊ HẢI	ANH	124 / 002768	THCS An Lâm	X. AN PHÚ	7,58	
95	NGUYỄN THỊ NGỌC	KHÁNH	126 / 002827	THCS An Sinh	P. PHẠM SƯ MẠNH	7,58	
96	ĐỒNG THỊ QUỲNH	ANH	043 / 000948	THCS Lê Ích Mộc	P. THỦY NGUYỄN	7,55	
97	DƯƠNG KHÁNH	HUYỀN	045 / 001007	THCS Quyết Tiến	X. TIÊN LÃNG	7,55	
98	NGUYỄN THỊ THANH	HUYỀN	126 / 002823	THCS Đại Sơn	X. ĐẠI SƠN	7,55	
99	BÙI HOÀNG BẢO	HÂN	045 / 001000	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	7,53	
100	PHẠM MINH	KHÔI	046 / 001013	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	7,53	

STT	HỌ VÀ TÊN		P.THI/SBD	HỌC SINH TRƯỜNG		KẾT QUẢ THI	
						ĐIỂM	X. GIẢI
101	NGUYỄN KHÁNH LINH	126 / 002834	THCS Tân Trường	X. MAO ĐIỂN	7,53		
102	ĐỖ PHƯƠNG HỒNG ÁNH	044 / 000965	THCS Nguyễn Văn Cừ	P. HÒA BÌNH	7,50		
103	NGUYỄN BÁCH ĐÀI	045 / 000991	THCS Chu Văn An	P. GIA VIÊN	7,50		
104	KHUƠNG VIỆT HÙNG	045 / 001009	THCS Chu Văn An	P. GIA VIÊN	7,50		
105	LÊ KIM THƯ	048 / 001074	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	7,50		
106	HÀ VIỆT ANH	043 / 000949	THCS Đông Hải	P. ĐÔNG HẢI	7,48		
107	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	047 / 001044	THCS Hiệp Hòa-Hùng Tiến	X. VINH HÒA	7,48		
108	NGUYỄN TRANG NHUNG	047 / 001051	THCS Lê Lợi	P. HẢI AN	7,48		
109	NGUYỄN VŨ MAI LAN	126 / 002830	THCS Thành Nhân	X. NINH GIANG	7,45		
110	TRẦN NGUYỄN BẢO PHƯƠNG	128 / 002867	THCS Chu Văn An	P. TRẦN HUNG ĐẠO	7,45		
111	VŨ QUANG ANH	043 / 000963	THCS Ngô Gia Tự	P. HỒNG BẢNG	7,43		
112	VŨ THÙY DƯƠNG	045 / 000990	THCS Thị Trấn Núi Đồi	X. KIẾN THUY	7,43		
113	PHẠM TUỆ MINH ANH	124 / 002782	THCS Văn Giang	X. HỒNG CHÂU	7,43		
114	PHẠM HỒNG NGUYÊN	047 / 001048	THCS Lê Lợi	P. HẢI AN	7,42		
115	NGUYỄN NGỌC HUYỀN CHI	125 / 002794	THCS Phú Thái	X. PHŨ THÁI	7,42		
116	TRẦN THỊ BẢO CHÂU	044 / 000971	THCS An Lư	P. HÒA BÌNH	7,40		
117	BÙI ĐAN KHUÊ	046 / 001015	THCS Hợp Thành	P. LÊ ÍCH MỘC	7,40		
118	TRẦN KHÁNH NGỌC	047 / 001045	THCS Đà Nẵng	P. NGÔ QUYẾN	7,40		
119	HOÀNG PHƯƠNG NGUYÊN	047 / 001047	THCS Thái Sơn	X. AN KHÁNH	7,40		
120	NGÔ TRẦN KIỂU MINH	046 / 001032	THCS Nguyễn Bá Ngọc	P. AN BIÊN	7,38		
121	ĐỒNG VŨ HUYỀN TRANG	129 / 002885	THCS Lai Vu	X. LAI KHÊ	7,38		
122	LÊ NHẬT QUANG	047 / 001057	THCS Chu Văn An	P. GIA VIÊN	7,37		
123	NGUYỄN CẨM TÚ	049 / 001089	THCS An Dương	P. AN DƯƠNG	7,37		
124	LÊ MẠNH HÀ	126 / 002812	THCS Việt Hòa	P. VIỆT HOÀ	7,37		
125	NGUYỄN BẢO CHÂU	044 / 000970	THCS Nguyễn Bá Ngọc	P. AN BIÊN	7,35		
126	NGUYỄN TIẾN DŨNG	044 / 000982	THCS Tô Hiệu	P. LÊ CHÂN	7,35		
127	ĐẶNG BẢO TRÂM	048 / 001082	THCS Vĩnh Niệm	P. AN BIÊN	7,35		
128	PHẠM GIA TUYẾT	129 / 002898	THCS An Phượng	X. HÀ TÂY	7,35		
129	HOÀNG ĐỨC BÌNH	044 / 000969	THCS Bắc Sơn	P. KIẾN AN	7,33		
130	NGUYỄN HÀ THỦY	048 / 001070	THCS Lê Lợi	P. HẢI AN	7,33		
131	PHẠM QUỲNH ANH	124 / 002781	THCS Thanh Miện	X. THANH MIỆN	7,33		
132	VŨ TƯỜNG VI	129 / 002901	THCS Nguyễn Huệ	P. TỨ MINH	7,33		
133	BÙI BẢO NGỌC	047 / 001042	THCS Nguyễn Bình Khiêm	X. VINH BẢO	7,30		
134	NGUYỄN THỊ DIỆU CHI	125 / 002795	THCS Tam Kỳ	X. KIM THÀNH	7,30		
135	VŨ KHẮC QUYẾN LONG	046 / 001024	THCS Trần Hưng Đạo	P. KIẾN AN	7,28		
136	PHẠM MỸ ANH	124 / 002779	THCS Nguyễn Lương Bằng	X. THANH MIỆN	7,25		
137	HÀ THANH HÒA	126 / 002820	THCS Thành Nhân	X. NINH GIANG	7,25		
138	HOÀNG THỊ NGỌC HUYỀN	126 / 002822	THCS Chu Văn An	P. TRẦN HUNG ĐẠO	7,25		
139	VƯƠNG VŨ YẾN NHI	127 / 002859	THCS Lê Thanh Nghị	X. GIA LỘC	7,25		
140	NGUYỄN BÙI NGÂN GIANG	045 / 000994	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	7,20		
141	NGUYỄN THU HẰNG	126 / 002816	TH&THCS Hoàng Tân	P. TRẦN NHÂN TÔNG	7,20		
142	NGUYỄN THẢO NGUYÊN	127 / 002855	THCS Tân Bình	P. LÊ THANH NGHỊ	7,20		
143	NGUYỄN MINH NGUYỆT	124 / 002994	THCS Duy Tân	P. NHỊ CHIẾU	7,18		
144	NGUYỄN VIỆT SƠN	048 / 001062	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	7,15		
145	ĐOÀN THỊ THU HUƠNG	126 / 002826	THCS Hồng Lạc	X. HÀ BẮC	7,15		
146	HOÀNG KIM NGÂN	127 / 002849	THCS Nguyễn Lương Bằng	X. THANH MIỆN	7,15		
147	ĐOÀN BẢO TRANG	048 / 001079	THCS Hòa Nghĩa	P. DƯƠNG KINH	7,13		
148	ĐOÀN HỨA TRÀ MY	127 / 002844	THCS Cộng Hòa	X. LAI KHÊ	7,13		
149	LÊ THỊ HIỀN ANH	043 / 000952	THCS Bắc Sơn	P. AN DƯƠNG	7,12		
150	NGUYỄN THỊ VÂN NHI	047 / 001050	THCS Lương Khánh Thiện	P. PHŨ LIÊN	7,10		
151	BÙI NGỌC ANH	124 / 002766	THCS Thành Nhân	X. NINH GIANG	7,10		
152	NGUYỄN HỒNG VY	129 / 002904	THCS Cẩm Hưng	X. CẨM GIANG	7,10		
153	BÙI MINH TRÍ	049 / 001083	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	7,08		

STT	HỌ VÀ TÊN		P.THI/SBD	HỌC SINH TRƯỜNG		KẾT QUẢ THI	
						ĐIỂM	X. GIẢI
154	NGUYỄN MẠNH	HẢI	126 / 002815	THCS Cao An	P. VIỆT HOÀ	7,08	
155	NGUYỄN MINH	PHƯƠNG	047 / 001054	THCS Lê Lợi	P. HẢI AN	7,07	
156	NGUYỄN ANH	THỨ	048 / 001075	THCS Quán Toan	P. HỒNG AN	7,05	
157	VŨ THỊ	TRÚC	049 / 001088	THCS Đông Tây Hưng	X. CHẤN HUNG	7,05	
158	NGÔ THÙY	ÂN	124 / 002786	THCS Quang Thành	X. NAM AN PHỤ	7,05	
159	ĐỖ THANH	TRÚC	129 / 002893	THCS Kim Anh	X. PHÚ THÁI	7,05	
160	TRỊNH GIA	KHIÊM	126 / 002829	THCS Ngọc Châu	P. HẢI DƯƠNG	7,03	
161	ĐINH MINH	PHƯƠNG	128 / 002865	THCS Bạch Đằng	P. BẮC AN PHỤ	7,03	
162	PHẠM THANH	VÂN	129 / 002899	THCS Tuấn Việt	X. LAI KHÊ	7,03	
163	PHÙNG HOÀNG	HƯƠNG	126 / 002825	THCS Hải Tân	P. TÂN HUNG	7,02	
164	NGUYỄN NGỌC NHƯ	YẾN	049 / 001101	THCS Nguyễn Bá Ngọc	P. AN BIÊN	7,00	
165	GIÁP HẢI	ĐĂNG	125 / 002807	THCS Cẩm Thượng	P. THÀNH ĐÔNG	7,00	
166	NGÔ KHÁNH	HUNG	045 / 001010	THCS Cộng Hiền	X. VINH HẢI	6,98	
167	TRẦN HẢI	LÂM	046 / 001017	THCS Đông Hoà	P. KIẾN AN	6,98	
168	LƯƠNG ĐOAN	TRINH	049 / 001084	THCS Vinh Quang-Thanh Lương	X. VINH BẢO	6,98	
169	VŨ BẢO	NGỌC	127 / 002853	THCS Tân Trào	X. HẢI HUNG	6,98	
170	VŨ THỊ YẾN	NHI	127 / 002858	THCS Đoàn Kết	X. HẢI HUNG	6,98	
171	VŨ MINH	ĐĂNG	125 / 002808	THCS Ngô Gia Tự	P. HẢI DƯƠNG	6,97	
172	VŨ NGUYỄN THU	THẢO	048 / 001067	THCS Chu Văn An	P. GIA VIÊN	6,95	
173	CAO HỒNG	TRÚC	049 / 001086	THCS Quang Phục	X. TIÊN MINH	6,95	
174	ĐỖ THỊ THU	TRANG	129 / 002884	THCS Minh Hòa	P. NGUYỄN ĐẠI NĂNG	6,93	
175	TRẦN MINH	KHUÊ	046 / 001016	THCS An Đà	P. GIA VIÊN	6,90	
176	NGUYỄN THỊ NGỌC	MAI	046 / 001027	TH-THCS Lê Khắc Cẩn	X. AN HUNG	6,90	
177	NGUYỄN HÀ	VY	049 / 001097	THCS Quán Toan	P. HỒNG AN	6,90	
178	NGUYỄN ĐỨC TÂM	CHỦ	125 / 002796	THCS Tân Trào	X. HẢI HUNG	6,90	
179	ĐOÀN NGÂN	HÀ	125 / 002811	THCS Thống Nhất	X. YẾT KIỀU	6,90	
180	PHẠM QUỲNH	TRANG	048 / 001081	THCS Lâm Động	P. THIÊN HƯƠNG	6,88	
181	NGUYỄN VŨ QUANG	THÀNH	128 / 002871	THCS Tân Phong	X. TÂN AN	6,87	
182	BÙI KHÁNH	CHI	044 / 000972	THCS Lương Khánh Thiện	P. PHÚ LIÊN	6,85	
183	TRỊNH THỊ	DUNG	044 / 000978	THCS Dũng Tiến	X. VINH THUẬN	6,85	
184	LÊ TUẤN	DŨNG	125 / 002800	THCS ái Quốc	P. ÁI QUỐC	6,85	
185	DUƠNG ĐỨC	HẢI	126 / 002814	THCS Chí Minh	P. CHU VĂN AN	6,85	
186	NGUYỄN THỊ CẨM	TÚ	049 / 001091	THCS Ngũ Đoan	X. KIẾN HUNG	6,83	
187	NGUYỄN NGỌC VÂN	KHÁNH	045 / 001011	THCS Ngô Gia Tự	P. HỒNG BÀNG	6,80	
188	TRẦN VŨ HOÀNG	MINH	046 / 001036	THCS Trần Phú	P. LÊ CHÂN	6,80	
189	HOÀNG PHƯƠNG	UYÊN	049 / 001094	THCS Tiên Thanh	X. TIÊN LĂNG	6,80	
190	PHẠM HIỀN PHƯƠNG	VI	049 / 001096	THCS Đoàn Lập	X. TÂN MINH	6,80	
191	ĐẶNG PHƯƠNG	UYÊN	049 / 001093	THCS Quảng Thanh	P. LÊ ÍCH MỘC	6,78	
192	PHÙNG THỊ BÍCH	NGỌC	124 / 002990	THCS Minh Tân	P. NHỊ CHIỂU	6,78	
193	LÊ MINH	ANH	043 / 000951	TH-THCS Lê Khắc Cẩn	X. AN HUNG	6,75	
194	BÙI THÙY	DUƠNG	044 / 000985	THCS Trần Nhật Duật	P. BẠCH ĐĂNG	6,75	
195	MẠC THỊ NGỌC	ANH	124 / 002775	THCS An Phụ	P. TRẦN LIẾU	6,75	
196	NGUYỄN THỊ CẨM	NHUNG	128 / 002860	THCS Hà Kỳ	X. NGUYỄN GIÁP	6,75	
197	NGUYỄN THỊ QUỲNH	ANH	043 / 000958	THCS Tam Cường	X. VINH AM	6,73	
198	LÊ TƯỜNG	VI	129 / 002900	THCS Lê Quý Đôn	P. LÊ THANH NGHỊ	6,72	
199	PHẠM THỊ THU	SANG	048 / 001061	THCS Hùng Thắng	X. HÙNG THẮNG	6,70	
200	NGUYỄN HẢI	YẾN	049 / 001100	THCS Ngũ Lão	P. BẠCH ĐĂNG	6,70	
201	PHẠM THỊ	QUỲNH	047 / 001059	THCS Hòa Bình-Trần Dương	X. NGUYỄN BÌNH KHIÊM	6,68	
202	PHẠM THỊ THÚY	NGA	047 / 001040	THCS Vĩnh Niệm	P. AN BIÊN	6,67	
203	NGUYỄN THỊ ANH	THỨ	128 / 002879	THCS Tiên Động	X. LẠC PHƯỢNG	6,67	
204	LÊ NGÂN	HÀ	045 / 000997	THCS Tân Thắng	X. AN LÃO	6,65	
205	NGUYỄN HOÀNG	MINH	046 / 001035	TH-THCS Quang Hưng	X. AN QUANG	6,65	
206	PHẠM TRÀ	MY	127 / 002845	THCS Vĩnh Hưng	X. KẾ SẮT	6,65	

STT	HỌ VÀ TÊN		P.THI/SBD	HỌC SINH TRƯỜNG		KẾT QUẢ THI	
						ĐIỂM	X. GIẢI
207	BÙI THỊ	HUYỀN	045 / 001006	THCS Kiến Thiết	X. TÂN MINH	6,62	
208	ĐỒNG ĐỖ QUẾ	ANH	124 / 002773	TH-THCS Nhân Huệ	P. CHÍ LINH	6,62	
209	NGUYỄN THU	TRÀ	048 / 001078	THCS An Dương	P. AN DƯƠNG	6,60	
210	ĐOÀN NGỌC VÂN	ANH	043 / 000947	THCS Lê Lợi	P. HẢI AN	6,58	
211	TRẦN NGUYỄN KHÁNH	NGÂN	047 / 001041	THCS Tự Cường	X. QUYẾT THẮNG	6,58	
212	NGUYỄN THỊ CẨM	TÚ	049 / 001090	THCS Ngô Gia Tự	P. HỒNG BÀNG	6,58	
213	HOÀNG THỊ THÙY	CHI	125 / 002791	THCS Hùng Thắng	X. KẾ SẮT	6,58	
214	NGUYỄN VĂN	SƠN	128 / 002870	THCS Nguyễn Trãi	P. NGUYỄN TRÃI	6,58	
215	NGUYỄN QUANG	VINH	129 / 002902	THCS Văn An	P. CHU VĂN AN	6,58	
216	CAO PHẠM HẢI	YẾN	049 / 001099	THCS Trường Thọ	X. AN TRƯỜNG	6,55	
217	TRẦN MINH	THỨ	128 / 002880	THCS Bình Xuyên	X. THƯỢNG HỒNG	6,55	
218	ĐÀO THỊ THANH	BÌNH	044 / 000968	THCS Quang Trung	X. AN QUANG	6,53	
219	HOÀNG TRUNG	HIẾU	045 / 001001	THCS Cao Nhân	P. LÊ ÍCH MỘC	6,53	
220	HOÀNG THỊ	TUYẾT	049 / 001092	THCS Đại Đồng - Đông Phương	X. KIẾN MINH	6,50	
221	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	ANH	124 / 002778	THCS Thanh Giang	X. NAM THANH MIỀN	6,48	
222	TRỊNH THỊ NHƯ	NGỌC	047 / 001046	THCS Liên Khê	P. LƯU KIỂM	6,47	
223	NGUYỄN HUY	KHÔI	045 / 001012	THCS Nam Sơn	P. AN DƯƠNG	6,45	
224	CAO TRẦN QUỐC	TRIỆU	129 / 002892	THCS Phú Thái	X. PHÚ THÁI	6,45	
225	VŨ GIANG	ANH	043 / 000962	THCS Phan Chu Trinh	X. VIỆT KHÉ	6,40	
226	ĐÀO HOÀNG	AN	043 / 000942	THCS An Dương	P. AN DƯƠNG	6,38	
227	ĐINH THỊ THANH	THUY	048 / 001068	THCS Phả Lê	P. NAM TRIỆU	6,38	
228	NGUYỄN THỊ HUYỀN	ANH	043 / 000956	THCS Kỳ Sơn	X. VIỆT KHÉ	6,37	
229	NGUYỄN TÙNG	LÂM	126 / 002831	THCS Nam Hưng	X. HỢP TIẾN	6,37	
230	PHẠM ĐẶNG KHÁNH	LINH	127 / 002836	THCS Ngọc Châu	P. HẢI DƯƠNG	6,37	
231	LƯU TUYẾT	MAI	046 / 001025	THCS Trần Phú	P. PHÙ LIÊN	6,35	
232	PHẠM THỊ ANH	THỨ	048 / 001077	THCS Trần Phú	P. PHÙ LIÊN	6,35	
233	VŨ THIÊN KIM	ANH	124 / 002784	THCS Cẩm Vũ	X. TUỆ TÌNH	6,35	
234	PHẠM MAI	ANH	043 / 000959	THCS An Hòa	X. VINH HÒA	6,32	
235	HỒ THẢO	NHI	047 / 001049	THCS Minh Tân	P. BẠCH ĐĂNG	6,32	
236	NGUYỄN THỊ THUY	GIANG	045 / 000995	THCS Sơn	X. AN LÃO	6,30	
237	PHẠM NGỌC	ANH	124 / 002780	THCS Hải Tân	P. TÂN HÙNG	6,30	
238	PHAN THANH	HÀ	126 / 002813	THCS Thanh Lang	X. HÀ NAM	6,27	
239	PHAN BÌNH	DƯƠNG	125 / 002805	THCS Lê Hồng	X. BẮC THANH MIỀN	6,25	
240	TRỊNH THU	THẢO	048 / 001066	THCS Tân Thắng	X. AN LÃO	6,23	
241	NGUYỄN THÁI	BÌNH	125 / 002789	THCS Thống Nhất	X. YẾT KIỆU	6,23	
242	PHẠM VŨ MINH	PHƯƠNG	128 / 002866	THCS Nguyễn Lương Bằng	X. THANH MIỀN	6,23	
243	ĐINH KHÔI	NGUYỄN	127 / 002854	THCS Nam Đồng	P. NAM ĐỒNG	6,22	
244	HOÀNG HẢI	NAM	047 / 001039	THCS Tiên Phong-Vĩnh Phong	X. VINH HẢI	6,20	
245	TRẦN THỊ NGỌC	KHÁNH	126 / 002828	THCS Quốc Tuấn	X. TRẦN PHÚ	6,20	
246	PHẠM THỊ	NGA	127 / 002846	THCS Tân Việt	X. BÌNH GIANG	6,20	
247	NGUYỄN THỊ	XUÂN	129 / 002905	THCS Chí Minh	X. CHÍ MINH	6,18	
248	MAI TUẤN	DŨNG	044 / 000979	THCS An Hòa	P. AN PHONG	6,12	
249	TRỊNH THỊ THÙY	DƯƠNG	045 / 000989	THCS An Lư	P. HÒA BÌNH	6,12	
250	PHẠM THỊ THÙY	LINH	127 / 002839	THCS Liên Hồng	P. THẠCH KHÔI	6,12	
251	NGUYỄN XUÂN	BÁCH	044 / 000966	THCS Ngô Gia Tự	P. HỒNG BÀNG	6,10	
252	TRẦN VĂN	HINH	045 / 001002	THCS Hồng Phong	P. AN PHONG	6,10	
253	MẠC THỊ NGỌC	ANH	043 / 000953	THCS Phan Chu Trinh	X. VIỆT KHÉ	6,07	
254	VŨ THỊ HẢI	YẾN	049 / 001102	THCS Chấn Hưng	X. CHẤN HÙNG	6,02	
255	NGUYỄN CÔNG	DŨNG	044 / 000980	THCS An Hòa	P. AN PHONG	5,98	
256	VŨ VĂN	DUY	044 / 000984	THCS Vinh Quang	X. HÙNG THẮNG	5,98	
257	TRỊNH HUYỀN	TRANG	129 / 002890	THCS Hoàng Diệu	X. GIA PHÚC	5,95	
258	TRẦN TUỆ	MỸ	047 / 001038	THCS Quán Toan	P. HỒNG AN	5,92	
259	HOÀNG THỦY	AN	043 / 000943	TH-THCS Vạn Hương	P. ĐỖ SƠN	5,90	

STT	HỌ VÀ TÊN		P.THI/SBD	HỌC SINH TRƯỜNG		KẾT QUẢ THI	
						ĐIỂM	X. GIẢI
260	DƯƠNG NGỌC	DIỆP	044 / 000977	THCS Đại Hà	X. KIẾN HÙNG	5,90	
261	PHẠM THỊ THANH	AN	043 / 000944	TH-THCS Nghĩa Lộ	ĐẶC KHU CÁT HẢI	5,87	
262	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	128 / 002875	THCS Hồng Lạc	X. HÀ BẮC	5,87	
263	HOÀNG THỊ NGỌC	ANH	043 / 000950	THCS Hợp Đức	P. NAM ĐỒ SƠN	5,85	
264	TRẦN THỊ MINH	PHƯƠNG	047 / 001056	THCS Thái Sơn	X. AN KHÁNH	5,85	
265	VŨ THỊ BẢO	THI	128 / 002877	THCS Cẩm Đông	X. MAO ĐIÊN	5,85	
266	NGUYỄN TẤN	DŨNG	044 / 000981	TH-THCS Đoàn Đức Thái	ĐẶC KHU CÁT HẢI	5,83	
267	NGUYỄN THỊ THU	TRANG	129 / 002887	THCS Thượng Quận	P. TRẦN LIẾU	5,73	
268	LƯƠNG KHÁNH	TRÚC	049 / 001087	THCS Trần Hưng Đạo	P. LƯU KIỂM	5,68	
269	TRẦN LINH	AN	043 / 000945	THCS Đông Hải	P. ĐÔNG HẢI	5,67	
270	LÊ KHÁNH	DUY	044 / 000983	THCS Đông Hải	P. ĐÔNG HẢI	5,65	
271	NGUYỄN DUY	PHONG	047 / 001053	THCS Thiên Hương	P. THIÊN HƯƠNG	5,65	
272	ĐẶNG NGỌC ANH	THƯ	048 / 001072	THCS Nam Hà	P. KIẾN AN	5,60	
273	BÙI THỊ MAI	TRÚC	049 / 001085	THCS Minh Tân	X. KIẾN MINH	5,58	
274	ĐÀO QUỐC TRIỆU	ĐỖ	045 / 000993	THCS Kiến Phúc	X. NGHI DƯƠNG	5,57	
275	NGUYỄN HÀ	ANH	043 / 000954	THCS Kiên Bái	P. THIÊN HƯƠNG	5,55	
276	TRINH LÊ MINH	ANH	043 / 000960	THCS Hồng Thái	P. AN HẢI	5,55	
277	NGUYỄN BẢO	MINH	046 / 001033	THCS An Đồng	P. AN HẢI	5,55	
278	LƯƠNG ĐĂNG	DƯƠNG	044 / 000986	THCS Đại Thắng	X. QUYẾT THẮNG	5,50	
279	ĐỒNG ANH	THƯ	048 / 001073	THCS Hưng Đạo	P. HUNG ĐẠO	5,50	
280	PHẠM HỒNG	NGÁT	127 / 002847	THCS Tân Dân	P. LÊ ĐẠI HÀNH	5,48	
281	BÙI MINH	VŨ	048 / 001256	THCS Đại Hợp	X. KIẾN HẢI	5,40	
282	VŨ THỊ YẾN	LINH	046 / 001023	THCS Hồng Bàng	P. HỒNG BÀNG	5,37	
283	LÂM VĂN	CƯỜNG	044 / 000976	THCS Việt Tiến-Trung Lập	X. VINH THỊNH	5,35	
284	NGUYỄN VĂN	ĐẠT	045 / 000992	TH&THCS Tân Thành	P. DƯƠNG KINH	5,28	
285	TRẦN MAI	PHƯƠNG	047 / 001055	THCS Hải Thành	P. DƯƠNG KINH	5,27	
286	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	048 / 001065	THCS Bằng La	P. NAM ĐỒ SƠN	5,27	
287	BÙI GIA	MINH	046 / 001028	THCS Đa Phúc	P. HUNG ĐẠO	5,25	
288	ĐỒNG THỊ HÀ	VY	129 / 002903	THCS Đông Cẩm	X. KIM THÀNH	5,20	
289	NGÔ HỒ YẾN	CHI	044 / 000974	THCS Đông Hải	P. ĐÔNG HẢI	5,18	
290	PHẠM KHÁNH	LINH	127 / 002838	THCS Bình Xuyên	X. THƯỢNG HỒNG	5,13	
291	BÙI BẢO	HÂN	045 / 000999	THCS Phục Lễ	P. NAM TRIỆU	5,12	
292	VŨ THỊ KHÁNH	HUYỀN	045 / 001008	THCS Thắng Thủy-Vĩnh Long	X. VINH THỊNH	5,10	
293	NGUYỄN ĐÌNH BÌNH	MINH	046 / 001034	THCS Lê Chân	P. AN BIÊN	5,10	
294	HOÀNG ĐÌNH	HUY	045 / 001005	THCS Đa Phúc	P. HUNG ĐẠO	5,07	
295	BÙI THỊ BẢO	AN	043 / 000941	THCS Phục Lễ	P. NAM TRIỆU	4,92	
296	VŨ KHÁNH	LINH	046 / 001022	THCS Hồng Bàng	P. HỒNG BÀNG	4,88	
297	ĐẶNG THỊ KIM	LIÊN	046 / 001018	THCS Thái Sơn	X. AN KHÁNH	4,85	
298	NGÔ QUANG	MINH	046 / 001031	TH&THCS Tân Thành	P. DƯƠNG KINH	4,82	
299	RÔ THỊ BÍCH	VÂN	049 / 001095	TH-THCS Tân Phong	X. KIẾN HẢI	4,70	
300	NGUYỄN NGỌC	MAI	046 / 001026	THCS Trường Thọ	X. AN TRƯỞNG	4,53	
301	CAO TRƯỞNG CẨM	TÚ	129 / 002894	THCS Hoàng Diệu	X. GIA PHÚC	4,52	
302	PHẠM THỊ KIM	OANH	047 / 001052	THCS Hưng Đạo	P. HUNG ĐẠO	4,40	
303	NGUYỄN TRẦN ANH	THƯ	048 / 001076	THCS Tú Sơn	X. KIẾN HẢI	4,05	
304	HOÀNG HƯƠNG	THỦY	048 / 001069	THCS Quán Toan	P. HỒNG AN	3,73	

(Danh sách gồm: 304 thí sinh)